TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SÔNG HINH** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 22/2017/HSST
Ngày : 07/9/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG HINH, TỈNH PHÚ YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Châu Kha;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Niê Y Ling (Ma Bin) – Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ huyện Sông Hinh,

2. Bà Huỳnh Thị Thu Trang – Phó Trưởng phòng Tài chính và Kế hoạch huyện Sông Hinh.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Bùi Lưu Chúc – Thư ký Tòa án nhân dân (TAND) huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Minh – Kiểm sát viên.

Vào lúc 08 giờ 30 ngày 07 tháng 9 năm 2017 tại Nhà Văn hóa thôn 2/4, xã EaLy, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên. TAND huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai lưu động vụ án hình sự thụ lý số 20/2017/HS-ST ngày 21-8-2017 đối với các bị cáo:

1. **Trần Văn T1 (H, D)**, sinh năm 1991; sinh quán: Vĩnh Phúc; Nơi cư trú: Thôn Tân An, xã EaBar, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: Không biết chữ; con ông Trần Văn S (chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1966; vợ Triệu Thị Đ, sinh năm 1991; có 01 con, sinh năm 2013;

Tiền án: Ngày 05-10-2011, bị TAND huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên áp dụng khoản 1 Điều 138 BLHS xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội: Trộm cắp tài sản.

Tiền sự: Ngày 14-9-2016, bị Công an xã EaBar, huyện Sông Hinh xử phạt hành chính 750.000^{đ} về hành vi: Tàng trữ trái phép chất ma túy. Chưa nộp phạt.

Nhân thân:

+ Ngày 24-5-2017, bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Sông Hinh khởi tố hành vi Trộm cắp tài sản.

+ Ngày 04-8-2017, bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Sông Hinh khởi tố hành vi Trộm cắp tài sản.

Bị bắt quả tang, bị tạm giam từ ngày 26-5-2017. Bị cáo bị dẫn giải. Có mặt.

2. **Nông Văn C**, sinh năm 1974; sinh quán: Lạng Sơn; nơi cư trú: Thôn Tân An, xã EaBar, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Làm nông; dân tộc: Tày; trình độ văn hóa: Lớp 7/12; con ông Nông Văn V (chết) và bà Hoàng Thị T1, sinh năm 1951; vợ Nông Thị D, sinh năm 1970; có 02 con, lớn sinh năm 1997, nhỏ sinh năm 1998. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt quả tang, bị tạm giam từ ngày 26-5-2017. Bị cáo bị dẫn giải. Có mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nông Thị D, sinh năm 1970; trú quán: Thôn Tân An, xã EaBar, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên. Có mặt;

2. Bà Triệu Thị Đ, sinh năm 1991; trú quán: Thôn Tân An, xã EaBar, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên. Có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Các bị cáo bị VKSND huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 26-5-2017, T1 và C thống nhất rủ nhau góp tiền mua ma túy sử dụng. T1 điều khiển xe mô tô hiệu Dame không có biển số, số máy 50FMG-301018359, số khung 0041H018359 của gia đình C, T1 chở C đến làng Mông, tỉnh Đăk Lăk. C đứng bên ngoài, T1 vào làng Mông mua của một người phụ nữ tên L (không rõ họ tên, địa chỉ) một gói ma túy giá 400.000 đồng, T1 chở C về lại Sông Hinh, khi đến khu rừng bảo tồn thuộc xã Ea Xô, huyện Ea Ka, tỉnh Đăk Lăk, T1 và C lấy một ít ra sử dụng, còn lại T1 cất giấu trong người. Khoảng 12 giờ cùng ngày, khi đến quán cà phê Đồi Xanh ở thôn Tân Yên, xã Ea Ly, huyện Sông Hinh thì bị Công an huyện Sông Hinh phát hiện bắt quả tang.

Tại bản kết luận giám định số 177/GĐ- PC54 ngày 29-5-2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Yên kết luận: Chất bột màu trắng dạng nén do cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Sông Hinh trưng cầu giám định là hêrôin, có trọng lượng 0,153g.

Vật chứng vụ án đang tạm giữ: 0,125 g Hêrôin (khối lượng còn lại sau giám định); 01 xe môtô hiệu Dame, không có biển số, số máy 50FMG-301018359, số khung 0041H018359; 01 giấy đăng ký xe môtô số A0100172; 01 điện thoại di động hiệu FPT và 520.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 20/VKS-HS ngày 21-8-2017 của VKSND huyện Sông Hinh đã truy tố các bị cáo Trần Văn T1 và Nông Văn C về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", đối với bị cáo T1 theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự (BLHS) năm 1999 và điểm a, điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS năm 2015; đối với bị cáo C theo quy định tại khoản 1 Điều 194 BLHS năm 1999 và điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS năm 2015.

Tại phiên tòa: Các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội đúng như cáo trạng đã truy tố, xin Hội đồng xét xử (HĐXX) xem xét giảm nhẹ hình phạt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nông Thị D trình bày: Xe mô tô hiệu Dame là tài sản của bà, bà đứng tên chủ sở hữu, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bà xin nhận xe lại.

2. Bà Triệu Thị Đ trình bày: Tiền là tài sản của gia đình, xin trả lại.

Kiểm sát viên đại diện VKSND huyện Sông Hinh thực hành quyền công tố tại phiên tòa, giữ nguyên quyết định truy tố như bản cáo trạng, đề nghị HĐXX tuyên bố các bị cáo Trần Văn T1, Nông Văn C phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

- Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999; khoản 3 Điều 7 và điểm a, điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS năm 2015; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội. Đề nghị phạt bị cáo Trần Văn T1 từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 26-5-2017.

- Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999; khoản 3 Điều 7 và điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS năm 2015; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội. Đề nghị phạt bị cáo Nông Văn C từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 26-5-2017.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS): Đề nghị tuyên tiêu hủy: 0,125 gam Hêroin. Trả lại bị cáo Thủy 100.000 đồng; trả lại bà Duyên 01 xe mô tô hiệu Dame, không có biển số, số máy 50FMG301018359, số khung 0041H018359 và giấy đăng ký xe mô tô số A0100172. Trả lại bị cáo C 01 điện thoại di động hiệu FPT và 420.000 đồng.

* Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà. HĐXX nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Sông Hinh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Hinh, Kiểm sát viên, trong qúa trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đảm bảo quy định pháp luật. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của các bị cáo Trần Văn T1 và Nông Văn C là phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở để khẳng định bị cáo Trần Văn T1 và Nông Văn C có hành vi cất giữ trái phép chất ma túy khối lượng là 0,153g, loại chất hêrôin nhằm mục đích sử dụng. Hành vi của các bị cáo đã phạm tội theo quy định tại khoản 1 Điều 194 BLHS 1999. Căn cứ điểm i khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14, ngày 20-6-2017 của Quốc hội về áp dụng quy định có lợi cho người phạm tội thì hành vi của các bị cáo được áp dụng khoản 1 Điều 249 BLHS 2015 để xử lý. Bị cáo T1 đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy vào ngày 14-9-2016 chưa nộp phạt, nay lại tiếp tục phạm tội tàng trữ trái phép

chất ma túy thuộc các điểm a, c khoản 1 Điều 249 BLHS 2015; riêng bị cáo C phạm tội thuộc điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS 2015. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Hinh truy tố các bị cáo là có căn cứ.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý Nhà nước về các chất ma túy. Ma túy là chất gây nghiện, ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe thể chất cũng như tinh thần của người sử dụng. Người sử dụng ma túy có lối sống buông thả, thoái hóa nhân cách, dễ vi phạm pháp luật là nguyên nhân gây mất trật tự an toàn xã hội, làm gia tăng các tệ nạn xã hội khác. Các bị cáo hiểu rõ tác hại và sự nguy hiểm của hành vi phạm tội của mình nhưng vẫn thực hiện nên cần xử lý nghiêm khắc để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thấy rằng: Bị cáo T1 là người có nhân thân xấu, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, hiện đang bị khởi tố về tội trộm cắp tài sản, đã có tiền án chưa được xóa án tích mà còn phạm tội do lỗi cố ý thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS 1999. Bị cáo Chân có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, không có tình tiết tăng nặng. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo T1, C thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cãi nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS 1999.

Về mức hình phạt: Khoản 1 Điều 194 BLHS 1999 sửa đổi, bổ sung quy định mức hình phạt từ 02 năm đến 07 năm nhưng tại khoản 1 Điều 249 BLHS 2015 quy định mức hình phạt từ 01 năm đến 05 năm. Nên căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội để áp dụng mức hình phạt có lợi cho người phạm tội. Căn cứ tính chất, mức độ hành vi, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, cần xử lý bị cáo T1 mức án cao hơn so với bị cáo Chân. Hội đồng xét xử xét thấy, phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo các bị cáo trở thành công dân có ích.

Các bị cáo không có việc làm ổn định, kinh tế gia đình khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

* Về xử lý vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 76 BLTTHS: Tịch thu tiêu hủy: 0,125 gam Hêrôin. Trả lại bị cáo T1 100.000 đồng; trả lại bà Nông Thị D 01 xe mô tô hiệu Dame, không có biển số, số máy 50FMG301018359, số khung 0041H018359 và 01 giấy đăng ký xe mô tô số A0100172; trả lại bị cáo C 01 điện thoại di động hiệu FPT và 420.000 đồng.

* Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Trần Văn T1 và Nông Văn C phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

- Áp dụng Khoản 1 Điều 194 BLHS năm 1999; điểm a, điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS năm 2015; điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội. Xử phạt bị cáo **Trần Văn**

T1 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tình từ ngày bắt tạm giam 26-5-2017.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 194 BLHS 1999; điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS năm 2015; điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội. Xử phạt bị cáo **Nông Văn C 01 (Một) năm tù.** Thời hạn tù tình từ ngày bắt tạm giam 26-5-2017.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 và Điều 42 BLHS năm 1999, Điều 76 BLTTHS năm 2003;

- Tịch thu tiêu hủy: 0,125 gam Hêroin (khối lượng còn lại sau giám định);

- Trả lại bị cáo Trần Văn T1 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng);

- Trả lại bị cáo Nông Văn C 01 điện thoại di động hiệu FPT và 420.000 đồng (Bốn trăm hai mươi nghìn đồng);

- Trả lại bà Nông Thị D (vợ bị cáo Chân): 01 xe mô tô hiệu Dame, không có biển số, số máy 50FMG301018359, số khung 0041H018359 và 01 giấy đăng ký xe mô tô có số A0100172.

(theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an và Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Hinh lập ngày 21-8-2017).

* Về án phí: Áp dụng Điều 99 BLTTHS năm 2003 và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Trần Văn T1 và Nông Văn C, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- Công an, VKSND H.Sông Hinh;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS H. Sông Hinh;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa

Bùi Châu Kha